

Bản án số: 928/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 15-10-2018

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán:

Bà Châu Thị Điệp

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 563/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4088/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 56 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đỗ Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 79 M, Phường N, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Bà và ông Đỗ Q chung sống năm 2008, đăng ký kết hôn năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống đã phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt trong việc chăm sóc, giáo dục con và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, từ tháng 6/2016 đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Q.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Thùy L sinh ngày 22/9/2009, Đỗ Thanh T sinh ngày 27/10/2011 và Đỗ Anh Q sinh ngày 08/5/2014, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Đỗ Q trình bày:

Ông và bà Trần Thị Thùy L có sự khác biệt về suy nghĩ và quan điểm nuôi dạy con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Thùy L sinh ngày 22/9/2009, Đỗ Thanh T sinh ngày 27/10/2011 và Đỗ Anh Q sinh ngày 08/5/2014, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 563/2018/HNGĐ-ST ngày 20/6/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy L ly hôn ông Đỗ Q.

Về con chung: Giao bà Trần Thị Thùy L được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Anh Q, ngày sinh 08/5/2014. Giao ông Đỗ Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Đỗ Thùy L, ngày sinh 22/9/2009 và Đỗ Thanh T, ngày sinh 27/10/2011. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trần Thị Thùy L và ông Đỗ Q.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/7/2018, bà Trần Thị Thùy L nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con chung tên Đỗ Thùy Lâm sinh ngày 22/9/2009 và Đỗ Thanh Thủy sinh ngày 27/10/2011 với lý do các con còn nhỏ lại là bé gái cần có mẹ chăm sóc. Về điều kiện kinh tế, bà có chỗ ở và nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi con.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Hai con chung tên Đỗ Thùy L và Đỗ Thanh T đã sống cùng ông Đỗ Q từ nhỏ đến nay, được ông Q chăm sóc tốt. Để tránh sự xáo trộn và để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ, cần duy trì tình trạng như hiện nay, giao cháu Đỗ Anh Q cho bà Trần Thị Thùy L nuôi dưỡng, giao trẻ Đỗ Thùy L và trẻ Đỗ Thanh T cho ông Đỗ Q nuôi dưỡng. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thùy L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Thùy L kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con chung, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân giữa bà Trần Thị Thùy L và

ông Đỗ Q là hôn nhân hợp pháp, có 03 con chung tên Đỗ Thùy L sinh ngày 22/9/2009, Đỗ Thanh T sinh ngày 27/10/2011 và Đỗ Anh Q sinh ngày 08/5/2014.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thùy L yêu cầu được nuôi trẻ Đỗ Thùy L và trẻ Đỗ Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với con chung, bà Trần Thị Thùy L và ông Đỗ Q đều yêu thương con, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi là nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ nên cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định giao con.

Theo bà L khai, bà có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng. Bản thân ông Q cho biết ông cũng có điều kiện tốt đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, như trên đã nhận định, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về việc làm, thu nhập và chỗ ở, cả hai vợ chồng cùng có điều kiện như nhau. Tuy nhiên trên thực tế trẻ Đỗ Thùy L và trẻ Đỗ Thanh T đã sống cùng với ông Đỗ Q từ lúc cha mẹ ly thân tháng 6/2015 đến nay, được ông Q chăm sóc tốt không có vấn đề gì cần lưu ý. Điều này phù hợp với trả lời xác minh của cô giáo chủ nhiệm xác nhận ông Đỗ Q đưa đón con đi học đúng giờ, con hòa đồng với bạn bè nhưng kết quả học tập hơi thấp so với các bạn khác (BL 92).

Như vậy, xét về hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn ông Đỗ Q đủ điều kiện lo cho con, có giờ giấc thuận lợi trong việc đưa đón và chăm sóc con. Do đó án sơ thẩm giao trẻ Đỗ Thùy L và trẻ Đỗ Thanh T cho ông Đỗ Q trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ vì hiện tại hai trẻ đang sống cùng ông Đỗ Q, giao con cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng sẽ không làm xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của trẻ. Đồng thời cũng nhằm chia sẻ trách nhiệm nuôi con với bà L vì hiện tại bà L đang nuôi cháu Đỗ Anh Q mới hơn 4 tuổi.

Về ý kiến bà L cho là ông Q có thu nhập từ tiền cho thuê nhà nên không muốn đi làm, bà sợ quan niệm sống như thế sẽ ảnh hưởng đến các con. Hội đồng xét xử thấy rằng các con còn nhỏ đang ở độ tuổi ăn học, ông Q lại có thuận lợi về mặt thời gian trong việc đưa đón và chăm sóc con nên chưa có căn cứ cho rằng việc ông Q không đi làm sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan niệm sống của con.

Từ những nhận định trên, nhận thấy kháng cáo của bà Trần Thị Thùy L yêu cầu được nuôi trẻ Đỗ Thùy L và trẻ Đỗ Thanh T là không có cơ sở chấp nhận, nghị cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thùy L.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 563/2018/HNGĐ-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân quận H.

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008595 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H. Bà Trần Thị Thùy L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Q.H;
- Chi cục THADS Q.H;
- UBND Phường B, Quận C.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên